

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 281 /2024/DS-PT
Ngày: 17-12-2024.
V/v: tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng QSD đất; tặng cho QSD đất
và đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tố Hương.

Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.
Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2024/TLPT-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp thừa kế và yêu cầu chia quyền sử dụng đất của hộ gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST, ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 205/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần T, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Số A ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Thanh S, sinh năm 1970 (có mặt).

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số A ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Sa M, sinh năm 1962 (vắng mặt).
2. Ông Trần T1, sinh năm 1967 (vắng mặt).
3. Ông Trần T2, sinh năm 1971 (vắng mặt).
4. Ông Trần Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt).
5. Chị Lý Thị Thanh H1, sinh năm 1977 (có mặt).
6. Chị Lý Thị P, sinh năm 1984 (vắng mặt).
7. Anh Lý C, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

8. Cục Thi hành án dân sự tỉnh S.

Địa chỉ: Đường V, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

9. Anh Huỳnh Thái H2, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người kháng cáo: nguyên đơn ông Trần T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Trần T trình bày:

Ông Trần T với bà Trần Thị H có mối quan hệ là anh em ruột, bà H là em út. Cha mẹ của ông T là cụ Trần M1, sinh năm 1930 (đã chết năm 2021) và cụ Diệp Thị P1, sinh năm 1936 (đã chết năm 2016). Cụ M1 với cụ P1 có 07 người con chung gồm: ông Trần Sa M, bà Trần Thị Sà Q, ông Trần T1, ông Trần T, ông Trần T2, ông Trần Đ và bà Trần Thị H. Bà Q đã chết vào năm 2020 và đã có chồng là ông Lý P2 cũng đã chết vào năm 2020. Bà Q và ông P2 có con gồm: chị Lý Thị Thanh H1, chị Lý Thị P, anh Lý C. Ngoài 07 người con nêu trên, cụ M1 với cụ P1 không còn người con nuôi hay con riêng nào khác.

Năm 1995, hộ gia đình ông T có 05 người gồm cụ M1, cụ P1, ông T, ông T2 và bà H. Vào ngày 22/02/1995, cơ quan nhà nước thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 171 tại ấp B, xã V, huyện T cho hộ Trần Thị H. Đến năm 2014, bà H cùng chồng là ông Trần Thanh S thế chấp quyền sử dụng thửa đất này để vay tiền Ngân hàng nhưng ông T không hay biết. Do vợ chồng bà H để phát sinh tranh chấp về hợp đồng vay, sự việc được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã giải quyết và có nội dung xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh S đã kê biên thửa đất 171 để thi hành án, có Thông báo số 140/TB-THADS ngày 31/01/2021 hướng dẫn khiếu nại Bản án liên quan đến tài sản của hộ gia đình là thửa đất nêu trên.

Thửa đất 171 có nguồn gốc của ông bà ngoại của ông T, để lại cho cha mẹ của ông T. Khi còn sống, cụ M1 và cụ P1 sử dụng thửa đất này để trồng lúa, các con còn nhỏ nên chỉ phụ giúp cha mẹ, không ai có quyền sử dụng trực tiếp. Do là con út nên bà H được cha mẹ chia cho toàn bộ thửa đất 171 từ năm 1993, đúng dịp bà H lấy chồng là ông Trần Thanh S. Sau khi được chia, bà H trực tiếp quản lý, anh chị em trong gia đình không có ai cùng sử dụng.

Bản thân ông T không biết thửa này là đất “Hộ” nên mặc nhiên xác định đây là tài sản riêng của bà H, không sử dụng thửa đất 171 từ khi bà H được cha mẹ chia cho, không quan tâm đến thửa đất này nữa. Vì vậy, ông T mới nhận cầm cố của bà H 02 thửa đất với giá 140 chỉ vàng 24K từ năm 2010, trong đó có thửa 171. Đến năm 2021, ông T mới biết thửa 171 là đất của hộ gia đình nên ông T cho rằng mình có quyền sử dụng chung, bởi thời điểm cấp Giấy chứng nhận thì Sổ hộ khẩu gia đình ông T có 05 thành viên, trong đó có ông T nên yêu cầu được chia 1/5 quyền sử dụng thửa đất 171 - tương đương 3.114m². Ngoài ra, cụ M1 và cụ P1 đã chết, quyền tài sản của hai cụ trong thửa đất tương đương diện tích là 6.228m² phải được chia thừa kế cho 07 người con, ông T yêu cầu được chia phần thừa kế của ông tương ứng diện tích là 889,7m². Tổng cộng, ông T yêu cầu được chia 4.003,7m² có vị trí tại hướng Bắc của thửa 171, với cạnh hướng Bắc giáp thửa 163 dài 53,10m và giáp thửa 894 có chiều dài 87,76m; cạnh hướng Đông và T3 tương đương 28,5m mỗi cạnh; Làm tròn là 4.000m² (bốn ngàn mét vuông).

**. Theo tờ trình bày ý kiến ngày 21/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn là ông Trần Thanh S và bà Trần Thị H trình bày có nội dung như sau:*

Về mối quan hệ gia đình đúng như lời trình bày của ông Trần T như đã nêu trên. Sinh thời, cụ M1 với cụ P1 được thừa hưởng một số thửa đất từ ông bà ngoại của bà H, trong đó có thửa 171. Khi còn sống, cha mẹ của bà H đều có chia đất cho tất cả các con, việc chia như thế nào đều do cụ M1 với cụ P1 quyết định. Bà H được cha mẹ chia cho thửa đất số 171 từ khoảng năm 1994, đến năm 1995 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc bà H được chia đất, trong gia đình ai cũng biết và không hề phản đối nên bà H trực tiếp quản lý từ 30 năm nay, không có ai khác liên quan ngoài việc bà H cầm cố cho vợ chồng ông T. Do không hiểu biết pháp luật, bản thân bà H chỉ biết Giấy chứng nhận do bà H đứng tên, chưa từng quan tâm và không hiểu từ “Hộ” trên Giấy chứng nhận. Chỉ khi Cục Thi hành án dân sự tỉnh S có Thông báo hướng dẫn chia tài sản chung thì ông T mới cho rằng thửa 171 là tài sản chung của hộ, ông T khởi kiện đòi chia là không có căn cứ vì chính ông T biết rõ bà H được tặng cho từ mấy chục năm, vợ chồng ông T còn nhận cầm cố thửa đất này từ năm 2010. Bà H, ông S không đồng ý chia quyền sử dụng thửa đất 171 theo yêu cầu của ông T và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**. Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần T2 trình bày:*

Ông T2 hoàn toàn thống nhất với ý kiến trình bày của ông T và bà H về mối quan hệ gia đình. Đối với thửa đất 171 có nguồn gốc của ông bà ngoại cho lại cha mẹ của ông. Khi còn sống, cụ M1 và cụ P1 trực tiếp quản lý, các con cháu chỉ phụ giúp làm ruộng, không ai có quyền trực tiếp sử dụng. Khi bà H xây dựng gia đình thì cụ M1 với cụ P1 đã chia cho bà H toàn bộ thửa đất này, tất cả 07 anh chị em trong gia đình đều biết rõ. Kể từ khi được chia đến nay là 30 năm, bà H là người duy nhất quản lý sử dụng đất, không có ai sử dụng chung, không ai quan tâm đến thửa đất đã chia cho bà H. Nay, ông T yêu cầu chia tài sản chung và thừa kế quyền sử dụng thửa đất 171 thì là việc riêng của ông T. Bản thân ông T2 không yêu cầu được chia vì xác định đây là thửa đất bà H đã được tặng cho riêng, không có yêu cầu gì khác. Nguyên vọng của ông T2 muốn bà H bán toàn bộ thửa đất để có thể trả nợ cho các anh em.

**. Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đ và chị Lý Thị Thanh H1 cùng trình bày:* Thửa đất 171 có nguồn gốc của cha mẹ của ông Đ và ông bà ngoại của chị H1. Khi còn sống, cụ M1 và cụ P1 trực tiếp quản lý, các con cháu chỉ phụ giúp làm ruộng, không ai có quyền trực tiếp sử dụng. Khi bà Trần Thị H xây dựng gia đình, cụ M1 với cụ P1 đã chia cho bà H toàn bộ thửa đất này, tất cả 07 anh chị em trong gia đình đều biết rõ. Kể từ khi được chia đến nay bà H quản lý sử dụng đất, không có ai sử dụng chung, không ai quan tâm đến thửa đất đã chia cho bà H. Nay, ông T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và thừa kế quyền sử dụng thửa đất 171 thì ông Đ, chị H1 cho rằng là việc riêng của ông T. Bản thân ông Đ và chị H1 không yêu cầu được chia vì xác định đây là thửa đất bà H đã được tặng cho riêng, không ai có yêu cầu gì khác.

**. Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Thái H2 trình bày:*

Vào năm 2022, bà H tự đến nhà anh H2 trình bày đang thế chấp quyền sử dụng thửa đất 171 để vay tiền ngân hàng nhưng không có khả năng trả nợ, lo sợ bị phát mãi nên muốn bán thửa đất cho anh H2. Ngày 30/8/2022, anh H2 với bà H đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh S để thỏa thuận mua bán thửa đất. Tại Cục T4 hánh án, có sự chứng kiến của lãnh đạo Cục, bà H cam kết thửa đất không có tranh chấp khác ngoài thế chấp cho ngân hàng, gia đình bà H có nguyện vọng bán gấp để trả nợ. Anh H2 tin tưởng và cũng muốn mua nên đồng ý trả nợ ngân hàng thay cho bà H số tiền 400 triệu đồng, để giải chấp và bà H phải hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng cho anh H2. Sau khi anh H2 trả tiền thay bà H, Cục Thi hành án đã giao Giấy chứng nhận thửa 171 cho anh H2 cùng bà H để làm thủ tục sang tên theo thỏa thuận. Tuy nhiên, bà H không thực hiện đúng cam kết, hiện anh H2 vẫn đang quản lý bản chính Giấy chứng nhận này.

Nay, anh H2 đồng ý gia hạn thêm thời gian, đợi bà H giải quyết xong tranh chấp mới yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng. Trường hợp Tòa án

giải quyết bà H được quyền sử dụng toàn bộ hoặc một phần thửa đất, anh H2 với bà H sẽ thỏa thuận lại việc chuyển nhượng theo diện tích thực tế, nếu bà H không có quyền sử dụng đất hoặc có yêu cầu và được Tòa án chấp nhận, anh H2 sẽ trả lại Giấy chứng nhận và yêu cầu bà H trả tiền theo quan hệ hợp đồng vay, theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này, anh H2 không có yêu cầu độc lập đối với bất cứ người nào.

**. Theo Văn bản số 974/CTHADS, ngày 22/7/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Cục Thi hành án dân sự tỉnh S trình bày:*

Cục Thi hành án dân sự tỉnh S thi hành án theo Bản án số 02/2019/KDTM-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Chấp hành viên đã phối hợp với cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương tiến hành kê biên xử lý các tài sản của ông S và bà H. Sau khi kê biên, thẩm định giá, Chấp hành viên đã hợp đồng với Công ty Đ1 hợp danh Đất Mũi – Chi nhánh S1 bán đấu giá đối với 02 thửa đất khác. Việc thi hành án đối với ông S, bà H theo Bản án đã xong.

Đối với thửa đất 171 có diện tích kê biên thực tế là 15.792m² thì Chấp hành viên không lập hợp đồng đưa ra bán đấu giá và đã có thông báo cho các đương sự khởi kiện. Vì vậy, việc khởi kiện hiện nay của gia đình bà H không có liên quan đến việc thi hành án của Cục Thi hành án dân sự. Do đó, Cục Thi hành án dân sự xin vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định.

**. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Sa M, ông Trần T1, chị Lý Thị P, anh Lý C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tất cả không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần T.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST, ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng, quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 5 và khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 102, khoản 1 Điều 212 và Điều 649 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 99, 100 và 101 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần T đối với bà Trần Thị H và ông Trần Thanh S, về việc chia 3.114m² thuộc quyền sử dụng đất chung và 889,7m² thuộc phần thừa kế.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0004134 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông T được nhận lại tiền tạm ứng án phí còn thừa là 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm ngàn đồng).

Ông S, bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 nguyên đơn ông Trần T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, chia thừa kế và chia quyền sử dụng đất của hộ gia đình đối với thửa đất số 171 có tổng diện tích 15.570m² mà hộ bà Trần Thị H đứng tên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung kháng cáo của nguyên đơn, sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần T làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện ông Trần T cho rằng toàn bộ diện tích đất 15.570m² thuộc thửa số 171 tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22-02-1995 là cấp cho hộ của cụ M1 và cụ P1, hộ cụ M1 và cụ P1 thời điểm này có 05 người gồm: cụ Trần M1, cụ Diệp Thị P1 cụ, ông Trần T, ông Trần T2 và bà Trần Thị H.

Do vậy ông T cho rằng ông có quyền sử dụng chung 1/5 diện tích quyền sử dụng đất tương đương 3.114m² và cha mẹ là cụ M1, cụ P1 đã chết, quyền tài sản của hai cụ trong thửa đất tương ứng diện tích là 6.228m² phải được chia thừa kế cho 07 người con thì trong đó ông T yêu cầu được chia phần thừa kế cho ông là 889,7m², tổng cộng ông T yêu cầu được chia 4.003,7m² có vị trí tại hướng Bắc của thửa 171, với cạnh hướng Bắc giáp thửa 163 dài 53,10m và giáp thửa 894 dài 87,76m; cạnh hướng Đông và T3 tương đương 28,5m mỗi cạnh, nhưng làm tròn là 4.000m².

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của ông Trần T thì nguồn gốc thửa đất tranh chấp số 171 có tổng diện tích 15.570m² là của ông bà ngoại của ông T, cho cha mẹ của ông T là cụ Trần M1 và cụ Diệp Thị P1. Trong quá trình quản lý sử dụng thì vào năm 1993 -1994 khi bà H lập gia đình thì cụ M1 và cụ P1 đã cho bà H, đến ngày 22-02-1995 thì bà H được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị H. Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 07-01-1995 đã được Ủy ban nhân dân xã V xác nhận có ghi nguồn gốc đất được cha mẹ cho.

[2.3] Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đến ngày 19-6-2010 thì chồng của bà H là ông Trần Thanh S lập tờ cổ đất cho bà Tăng Thị L là vợ của ông T với số vàng là 10 lượng loại vàng 24 kara và năm 2011 nhận cầm cố thêm thửa số 692 với số vàng tổng cộng là 140 chỉ. Đồng thời vào ngày 01-7-2010 bà H thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần C1 chi nhánh S1 để vay tiền. Đến năm 2014 bà H đã xóa thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần C1 chi nhánh S1 và thế chấp lại tại Ngân hàng N chi nhánh huyện M. Tại bản án kinh doanh thương mại số 02/2019/KDTM-ST ngày 26-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng thì ông Trần T và bà Tăng Thị L1 (Lây) được tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo nội dung bản án này thì ông Trần T và bà Tăng Thị L1 thống nhất trình bày là vợ chồng của ông nhận cầm cố thửa đất số 171 của bà H vào năm 2010 với số vàng là 14 cây, ông T và bà L1 yêu cầu ông S và bà H trả vàng cho ông T, bà L1. Do trong vụ án kinh doanh thương mại phía ông T, bà L1 không có yêu cầu độc lập nên không xem xét.

Đến ngày 30/5/2022 ông Trần T và bà Tăng Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết tranh chấp về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất tại thửa số 171, sự việc được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết tại Bản án số 29/2024/DS-ST ngày 17-5-2024 tuyên bố hợp đồng cầm cố vô hiệu, ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần T và bà Tăng Thị L về việc giao trả cho ông S, bà H quyền sử dụng đất tại thửa số 171. Buộc ông Trần Thanh S, bà Trần Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần T, bà Tăng Thị L 140 chỉ vàng 24 kara.

[2.4] Căn cứ lời trình bày của ông Trần T tại các bản án đã có hiệu lực pháp luật như đã nêu trên và lời khai của ông Trần T tại biên bản lấy lời khai ngày 01-3-2023 cũng như lời khai của ông Trần Đ, ông Trần T2, chị Lý Thị Thanh H1 vào ngày

01-3-2023 (bút lục số 53, 66), có cơ sở xác định ông Trần T đã biết quyền sử dụng đất tại thửa số 171 là của cha mẹ đã cho riêng bà Trần Thị H, nên là tài sản riêng của bà H, không phải là tài sản chung của hộ và cũng không phải là di sản của cụ M1 và cụ P1 theo như đơn khởi kiện của ông T. Do vậy, bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần T đối với bà Trần Thị H và ông Trần Thanh S, về việc chia quyền sử dụng đất chung có diện tích 3.114m² và chia thừa kế 889,7m² tại thửa số 171 tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Với những phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của ông Trần T là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Với những phân tích nêu trên, nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Trần T không được chấp nhận, nên ông Trần T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần T.

Áp dụng khoản 1 điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST, ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào khoản 5 và khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 102, khoản 1 Điều 212 và Điều 649 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 99, 100 và 101 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần T đối với bà Trần Thị H và ông Trần Thanh S, về việc chia quyền sử dụng đất chung có diện tích 3.114m² và chia thừa kế diện tích 889,7m² tại thửa số 171 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0004134 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông Trần T được nhận lại tiền tạm ứng án phí còn thừa là 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm ngàn đồng).

Ông S, bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007060 ngày 28-8-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Tố Hương